

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 27/2018/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp  
nhất Quý 1/2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2018

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1.2018 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính .
- Giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2018.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/04/2018 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



**NGÔ THỊ THANH LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>476,527,426,162</b>	<b>488,148,690,480</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>47,224,886,378</b>	<b>38,242,168,257</b>
1. Tiền	111		47,224,886,378	38,242,168,257
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157,137,807,089</b>	<b>162,683,843,612</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	135,977,621,274	151,176,270,852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20,075,682,214	10,968,970,313
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,840,648,350	2,294,747,196
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,761,084,750)	(1,761,084,750)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>261,926,627,667</b>	<b>274,062,977,047</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	261,926,627,667	274,062,977,047
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10,238,105,028</b>	<b>13,159,701,564</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,607,917,399	2,274,126,892
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,359,649,908	10,818,382,153
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		270,537,721	67,192,519
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>190,224,412,944</b>	<b>189,045,055,761</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>606,060,796</b>	<b>657,435,043</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	606,060,796	657,435,043
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131,967,408,438</b>	<b>134,272,740,097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	78,744,540,946	80,350,837,970
<i>Nguyên giá</i>	222		120,369,872,484	119,357,583,684
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41,625,331,538)	(39,006,745,714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	9,032,771,351	9,422,542,688
<i>Nguyên giá</i>	225		13,796,893,307	13,796,893,307
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4,764,121,956)	(4,374,350,619)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	44,190,096,141	44,499,359,439
<i>Nguyên giá</i>	228		51,132,457,444	51,132,457,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6,942,361,303)	(6,633,098,005)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52,172,536,340</b>	<b>48,538,638,134</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	52,172,536,340	48,538,638,134
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5,478,407,370</b>	<b>5,576,242,487</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5,463,673,939	5,560,025,393
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	14,733,431	16,217,094
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>666,751,839,106</b>	<b>677,193,746,241</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018.

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>317,306,745,132</b>	<b>333,759,909,120</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>303,005,370,874</b>	<b>321,823,418,146</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	21,195,768,462	43,400,158,838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,829,550,137	1,844,564,108
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,147,845,382	1,737,399,455
4. Phải trả người lao động	314		4,030,729,411	5,995,106,987
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1,605,390,194	4,269,081,448
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.20	10,262,902	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	8,110,393	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	433,935,113	421,328,990
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	269,735,624,593	263,147,624,033
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1,008,154,287	1,008,154,287
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14,301,374,258</b>	<b>11,936,490,974</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	296,738,000	263,238,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	14,004,636,258	11,673,252,974
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>349,445,093,974</b>	<b>343,433,837,121</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19.a	<b>349,445,093,974</b>	<b>343,433,837,121</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,044,281,728	6,044,281,728
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67,858,812,246	61,847,555,393
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61,847,555,394	27,526,601,351
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,011,256,852	34,320,954,042
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>666,751,839,106</b>	<b>677,193,746,241</b>

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan



Huỳnh Văn Hòa

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 29/2/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Đơn vị: VND)

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay		Quý này năm trước		Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	142,386,447,320	232,639,634,260	142,386,447,320	232,639,634,260				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	3,853,292,460	4,027,778,868	3,853,292,460	4,027,778,868				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138,533,154,860	228,611,855,392	138,533,154,860	228,611,855,392				
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	107,827,339,299	201,732,011,155	107,827,339,299	201,732,011,155				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30,705,815,561	26,879,844,238	30,705,815,561	26,879,844,238				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	414,185,469	268,546,781	414,185,469	268,546,781				
7. Chi phí tài chính	22	VL4	4,953,495,386	3,529,218,653	4,953,495,386	3,529,218,653				
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,277,270,145	3,399,465,027	4,277,270,145	3,399,465,027				
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	13,689,570,108	10,732,916,762	13,689,570,108	10,732,916,762				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	6,128,812,740	3,848,127,420	6,128,812,740	3,848,127,420				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,348,122,796	9,038,128,184	6,348,122,796	9,038,128,184				
11. Thu nhập khác	31	VL7	382,047,928	165,902,720	382,047,928	165,902,720				
12. Chi phí khác	32	VL8	56,621,976	255,654,419	56,621,976	255,654,419				
13. Lợi nhuận khác	40		325,425,952	(89,751,699)	325,425,952	(89,751,699)				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,673,548,748	8,948,376,485	6,673,548,748	8,948,376,485				
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		660,808,232	766,892,905	660,808,232	766,892,905				
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,483,663	(22,921,433)	1,483,663	(22,921,433)				

Mọi chi phí phải được đặc trưng với dấu nháy ngược dấu của hai thành lập viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6,011,256,853	8,204,405,013	6,011,256,853	8,204,405,013
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	6,011,256,853	8,204,405,013	6,011,256,853	8,204,405,013
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	218	407	218	407
19. Lợi suy giảm trên cổ phiếu	71	218	326	218	326

Người lập biểu



Lê Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Lan

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2018



Huỳnh Văn Hòa

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>6,673,548,748</i>	<i>8,948,376,485</i>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3,317,620,459	2,881,528,286
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17,579,493)	(12,998,584)
- Chi phí lãi vay	06	4,277,270,145	3,469,563,796
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>14,250,859,859</i>	<i>15,286,469,983</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4,235,743,074	31,188,038,486
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12,136,349,380	(39,596,118,333)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(25,169,104,915)	(11,461,358,563)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3,199,055,118	(273,443,964)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4,277,270,145)	(2,233,997,349)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14 (1,204,803,117)	(890,922,905)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	73,508,602	66,343,661
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5,500,000)	(354,588,374)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>3,238,837,856</i>	<i>(8,269,577,358)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3,259,881,222)	(734,145,323)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41,050,469	266,655,216
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(3,218,830,753)</i>	<i>(467,490,107)</i>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất(tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	91,970,818,824	109,626,507,565
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(82,386,926,317)	(55,126,524,971)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35 V.18	(621,181,489)	(727,387,299)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>8,962,711,018</b>	<b>53,772,595,295</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>8,982,718,121</b>	<b>45,035,527,830</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>38,242,168,257</b>	<b>26,633,710,180</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>47,224,886,378</b>	<b>71,669,238,010</b>

Người lập biểu



Lê Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Lan

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2018



Huỳnh Văn Hòa

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

##### Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình  
Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

##### Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh,

1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Số 81, Quốc lộ 1A, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, VN

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đàng A, Xã Cour Đàng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiên Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDGB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bê chừa và dụng cụ chừa bằng kim loại.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 308 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng. Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/3 Ấp Tam Đông 2, Xã Thời Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3. Hàng tồn kho

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

##### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 13. Chi phí trả trước

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản*

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí quảng cáo, thuê nhà*

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

#### 14. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 1 năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuế tài chính của Công ty.

#### 16. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

##### **Mục đích**

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **21. Giá vốn hàng bán:**

Phân ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

#### **22. Chi phí tài chính:**

Phân ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Phân ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

#### **24. Báo cáo theo bộ phận**

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chu Kỳ 1 năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7,621,522,769	3,856,907,309
Tiền gửi ngân hàng	39,603,363,609	34,385,260,948
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		
<b>Cộng</b>	<u>47,224,886,378</u>	<u>38,242,168,257</u>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>
<b>+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
<b>Cộng</b>				

##### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	7,392,788,125	
- Công Ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Kim Thanh Long	163,528,013	1,153,582,511
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

-Bình Dương – DL Quý Sơn Hà	938,373,216	938,373,216	
-Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp	13,917,409,009	13,917,409,009	
-Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	14,961,181,000	28,314,181,000	
-Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	3,279,114,676	<b>3,273,312,676</b>	
Cty TNHH TMDV và PT Hưng Thịnh	11,057,507,472	11,057,507,472	
Cty TNHH TM&DV tổng hợp Sao Phương Nam	10,112,777,177	10,112,777,177	
Cty TNHH KD tổng hợp Trần Gia Phát	11,616,906,415	11,616,906,415	
Đại Lý Nguyễn Phát	923,469,375		
Đại Lý Hoàng Phát	435,284,202		
- Các Khách hàng khác	60,356,571,061	69,969,509,843	
<b>Cộng</b>	<b>135,977,621,274</b>	<b>151,176,270,852</b>	
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng			
<b>Cộng</b>			
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>			
<b>Ngắn hạn</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
- Phải thu về cổ phần hóa			
- Cổ tức và lợi nhuận được chia			
- Phải thu người lao động	2,483,371,482	1,897,027,528	
- Ký cược, ký quỹ	43,400,000	43,400,000	
- Bảo hiểm xã hội	130,427,719	121,019,849	
- Lãi phải thu Công ty Toàn Thắng			
- Thuế giá trị gia tăng thuế tài chính			
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	183,449,149	233,299,819	
<b>Cộng</b>	<b>2,840,648,350</b>	<b>2,294,747,196</b>	
<b>Dài hạn</b>			
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	606,060,796	657,435,043	
<b>Cộng</b>	<b>606,060,796</b>	<b>657,435,043</b>	
<b>Tổng Cộng</b>	<b>3,446,709,146</b>	<b>2,952,182,239</b>	
<b>5. Nợ xấu</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
<b>Nợ gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Nợ gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533	
Bình Dương – DL Quý Sơn Hà	938,373,216	938,373,216	
<b>Cộng</b>	<b>1,761,084,749</b>	<b>1,761,084,749</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường		606,309,063	40,718,408,252
Nguyên liệu, vật liệu		113,795,308,059	85,872,972,438
Công cụ, dụng cụ		172,709,112	167,299,542
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		9,751,256,641	9,041,976,931
Thành phẩm		41,102,682,922	39,168,629,836
Hàng hóa		96,498,361,870	99,093,690,048
<b>Cộng</b>		<b>261,926,627,667</b>	<b>274,062,977,047</b>

  

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa			
<b>Cộng</b>			

  

8. Chi phí trả trước		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn			
- Chi phí trả trước về thuê kho		779,546,727	978,323,754
- Công cụ dụng cụ xuất dùng		552,860,190	912,291,516
- Các khoản khác		275,510,482	383,511,622
<b>Cộng</b>		<b>1,607,917,399</b>	<b>2,274,126,892</b>
Dài hạn			
- Chi phí công cụ dụng cụ		510,905,249	1,303,766,475
- Chi phí sửa chữa		43,592,497	65,388,748
- Chi phí mua bảo hiểm		42,152,688	46,825,182
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam		1,000,000,000	1,000,000,000
- Các khoản khác		3,867,023,505	3,144,044,988
<b>Cộng</b>		<b>5,463,673,939</b>	<b>5,560,025,393</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,071,591,338</b>	<b>7,834,152,285</b>

  

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	Nguyên giá					
Số đầu năm	45,325,842,259	27,691,591,343	41,240,147,714	5,109,002,368		119,357,583,684
Tăng trong năm		380,797,200		631,491,600		1,012,288,800
- Mua sắm mới		380,797,200		631,491,600		1,012,288,800
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
Giảm trong năm						

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chuyển sang bất động sản đầu tư

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	45,325,842,299	28,072,388,543	41,240,147,714	5,731,493,968	128,309,872,484
------------	----------------	----------------	----------------	---------------	-----------------

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm 8,816,018,094 16,764,937,333 11,084,856,390 2,360,933,877 29,006,745,714

Tăng trong năm 536,352,397 849,830,238 1,027,676,321 204,726,896 2,618,585,852

- Khấu hao trong năm 536,352,397 849,830,238 1,027,676,321 204,726,896 2,618,585,852

- Mua lại TSCĐ thuế tài chính

Giảm trong năm

- Chuyển sang bất động sản đầu tư

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	9,382,370,491	17,614,767,591	12,092,532,711	2,565,660,773	41,625,331,566
------------	---------------	----------------	----------------	---------------	----------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm 36,509,824,165 10,926,633,990 30,175,291,324 2,729,068,491 80,350,837,970

Số cuối kỳ	35,973,471,748	10,457,620,952	29,147,615,003	3,165,833,195	78,744,540,918
------------	----------------	----------------	----------------	---------------	----------------

**10 Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307
Tăng trong năm					
- Thuế tài chính trong năm					
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm					
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính					
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4,185,905,022</b>	<b>9,610,988,285</b>		<b>13,796,893,307</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	1,594,630,495	2,779,720,124		4,374,350,619
Tăng trong năm	149,496,609	240,274,728		389,771,337
- Khấu hao trong năm	149,496,609	240,274,728		389,771,337
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCD thuê tài chính				
- Trả lại TSCD thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1,744,127,104</b>	<b>3,019,994,852</b>		<b>4,764,121,956</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2,591,274,527	6,831,268,161		9,422,542,688
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2,441,777,918</b>	<b>6,590,993,433</b>		<b>9,032,771,351</b>

**11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Hán quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	--	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	50,612,725,444			519,732,000		51,132,457,444
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50,612,725,444</b>			<b>519,732,000</b>		<b>51,132,457,444</b>
<b>Trong đó:</b>						
<b>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	6,338,327,782			294,770,223		6,633,098,005
Tăng trong năm	279,610,025			29,653,274		309,263,299
- Khấu hao trong năm	279,610,025			29,653,274		309,263,299

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thời Tam Thuận, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 1 năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Tăng khác (ghi cụ thể)
- Giảm trong năm
  - Thanh lý, nhượng bán
  - Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	6,617,937,807	324,423,497	6,942,361,304
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44,274,397,662	224,961,777	44,499,359,439
Số cuối kỳ	43,994,787,837	198,308,503	44,193,096,340

**12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,076,093,700				31,076,093,700
- XDCB dở dang	17,462,544,434	3,633,898,206			21,096,442,640
<b>Cộng</b>	<b>48,538,638,134</b>	<b>3,633,898,206</b>			<b>52,172,536,340</b>

**13 Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	7,100,123,388	14,852,041,528
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	940,502,453	846,096,453
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	<b>7,684,367,652</b>	5,435,666,923
- Cty CP Toàn Thắng		3,756,350,581
- Cty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		15,211,400,004
- Công ty TNHH MTV Thiết Bị Nhà bếp Sơn Hà	1,232,470,995	743,882,000
- Các đối tượng khác	4,238,303,974	2,554,721,349
<b>Cộng</b>	<b>21,195,768,462</b>	<b>43,400,158,838</b>

**14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	495,397,808	960,601,600	1,120,850,521	335,148,887
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		93,138,702	31,900,871	61,237,831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,203,411,194	660,808,232	1,204,803,117	659,416,309
Thuế thu nhập cá nhân	38,590,453	308,078,409	254,626,507	92,042,355
<b>Cộng</b>	<b>1,737,399,455</b>	<b>2,022,626,943</b>	<b>2,612,181,016</b>	<b>1,147,845,382</b>

**15 Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 1 năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí trích trước hàng khuyến mãi	847,603,110	1,210,524,174				
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	757,787,084	2,781,873,333				
- Chi phí lãi vay phải trả		276,683,941				
<b>Cộng</b>	<b>1,605,390,194</b>	<b>4,269,081,448</b>				
<b>16 Các khoản phải trả khác</b>						
<b>Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>				
Cổ tức, lợi nhuận phải trả						
Phải trả về cổ phần hóa						
Kinh phí công đoàn		62,664,001				
Tài sản thừa chờ giải quyết	76,154,839	36,079,440				
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	37,400,000	37,400,000				
Phải trả, phải nộp khác	320,380,274	285,185,549				
<b>Cộng</b>	<b>433,935,113</b>	<b>421,328,990</b>				
<b>Dài hạn</b>						
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	296,738,000	263,238,000				
<b>Cộng</b>	<b>296,738,000</b>	<b>263,238,000</b>				
<b>Tổng Cộng</b>	<b>730,673,113</b>	<b>684,566,990</b>				
<b>17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>						
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập tài lợi nhuận</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	1,008,154,287					1,008,154,287
Quỹ phúc lợi						
<b>Cộng</b>	<b>1,008,154,287</b>					<b>1,008,154,287</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Tam Thuận, Huyện Hòa Mỹ, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**18. Vay và nợ thuế tài chính**

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có bất động trả	Tặng	Giảm	Giá trị	Số có bất động trả
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng</b>	<b>273.229.888.591</b>	<b>273.229.888.491</b>	<b>93.090.378.363</b>	<b>83.008.107.805</b>	<b>263.147.624.033</b>	<b>263.147.624.033</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>263.950.766.521</b>	<b>263.950.766.521</b>	<b>91.970.818.825</b>	<b>80.201.162.820</b>	<b>252.181.110.516</b>	<b>252.181.110.516</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PCD Phan Vả	96.925.320.613	96.925.320.613	54.789.357.806	44.169.268.172	86.305.230.979	86.305.230.979
- Ngân hàng TCMNP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh	48.446.801.206	48.446.801.206	3.293.095.076	20.369.830.010	65.423.536.140	65.423.536.140
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thủ Đức	49.534.992.676	49.534.992.676	21.973.673.391	1.458.459.243	29.009.778.528	29.009.778.528
- Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	69.053.652.026	69.053.652.026	11.914.692.552	14.303.665.395	71.442.564.869	71.442.564.869
Vay cá nhân	-	-	-	-	-	-
<b>Vay dài hạn đến nơi thuế hạn đến 1 năm</b>	<b>7.807.399.990</b>	<b>7.807.399.990</b>	<b>838.509.498</b>	<b>2.185.763.496</b>	<b>8.654.652.988</b>	<b>8.654.652.988</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ky Dông (5)	832.800.000	832.800.000	138.800.000	260.800.000	954.800.000	954.800.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	1.230.649.992	1.230.649.992	307.662.498	307.662.498	1.230.649.992	1.230.649.992
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PCD	1.749.688.000	1.749.688.000	392.047.000	452.547.000	1.810.188.000	1.810.188.000
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	3.494.261.998	3.494.261.998	1.164.753.998	4.659.015.996	4.659.015.996	4.659.015.996
<b>Nợ thuế tài chính</b>	<b>1.971.720.000</b>	<b>1.971.720.000</b>	<b>281.042.040</b>	<b>621.181.489</b>	<b>2.311.859.529</b>	<b>2.311.859.529</b>
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1.971.720.000	1.971.720.000	281.042.040	621.181.489	2.311.859.529	2.311.859.529
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>10.510.374.260</b>	<b>10.510.374.260</b>	<b>-</b>	<b>1.162.878.714</b>	<b>11.673.252.974</b>	<b>11.673.252.974</b>
<b>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</b>	<b>10.484.874.260</b>	<b>10.484.874.260</b>	<b>-</b>	<b>838.509.498</b>	<b>11.223.883.758</b>	<b>11.223.883.758</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh	1.728.400.000	1.728.400.000	-	138.800.000	1.867.200.000	1.867.200.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	1.583.046.262	1.583.046.262	-	307.662.498	1.890.708.760	1.890.708.760
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PCD	3.679.166.000	3.679.166.000	-	392.047.000	4.071.213.000	4.071.213.000
+ Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	3.494.261.998	3.494.261.998	-	-	3.494.261.998	3.494.261.998
<b>Nợ thuế tài chính (7)</b>	<b>25.500.000</b>	<b>25.500.000</b>	<b>-</b>	<b>324.369.216</b>	<b>349.869.216</b>	<b>349.869.216</b>
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	25.500.000	25.500.000	-	324.369.216	349.869.216	349.869.216
<b>283.740.260.851</b>	<b>283.740.260.851</b>	<b>93.090.378.363</b>	<b>84.170.986.519</b>	<b>274.820.877.007</b>	<b>274.820.877.007</b>	

Báo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thời Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Vốn chủ sở hữu****19.a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	201,600,000,000	3,592,582,827	(227,272,727)	59,695,980,763	264,661,290,863
Lãi trong năm trước				35,527,890,013	35,527,890,013
Tăng vốn trong kỳ	74,192,000,000				74,192,000,000
Trích các quỹ trong năm		2,451,698,901		(2,451,698,901)	
Quyền chọn đổi trái phiếu			227,272,727		227,272,727
Chia cổ tức 2016 phát hành 12% Cổ Phiếu				(24,192,000,000)	(24,192,000,000)
+ Trích lập trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt 3%				(6,048,000,000)	(6,048,000,000)
+ Trích lập quỹ khác				(408,616,483)	(408,616,483)
+ Tồn dư lao Hội đồng quản trị và BKS 2016				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Thặng dư vốn cổ phiếu			(250,000,000)		(250,000,000)
Số dư cuối năm trước	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	61,847,555,392	343,433,837,120
Số đầu năm Nay	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	61,847,555,392	343,433,837,120
Tăng vốn trong kỳ				6,011,256,853	6,011,256,853
Lãi trong kỳ					
Số dư cuối kỳ	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	67,858,812,245	349,445,093,973

**19.b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,579,200	20,160,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng doanh thu	142,386,447,320	232,639,634,260
- Doanh thu bán hàng hóa	68,589,696,879	190,639,415,344
- Doanh thu bán thành phẩm	73,796,730,441	41,373,363,916
Các khoản giảm trừ doanh thu:	3,853,292,460	4,027,778,868
- Chiết khấu thương mại	2,940,435,917	2,983,315,766
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	912,856,543	1,044,463,102
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>138,533,154,860</u>	<u>228,611,855,392</u>
<b>2 Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	55,534,671,457	169,637,843,544
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(1)</sup>	52,292,667,842	31,793,475,505
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		300,692,106
<b>Cộng</b>	<u>107,827,339,299</u>	<u>201,732,011,155</u>
<b>3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	41,050,469	268,546,781
<b>Cộng</b>	<u>414,185,469</u>	<u>268,546,781</u>
<b>4 Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	4,277,270,145	3,399,465,027
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Chi phí tài chính khác	676,225,241	89,753,627
<b>Cộng</b>	<u>4,953,495,386</u>	<u>3,529,218,653</u>
<b>5 Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	7,067,408,944	5,250,818,097
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	967,789,482	299,704,972
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,562,413,115	1,387,836,147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,982,404,472	1,537,822,223
Chi phí bằng tiền khác	2,109,554,095	2,256,735,323
<b>Cộng</b>	<u>13,689,570,108</u>	<u>10,732,916,762</u>
<b>6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1,590,339,126	1,430,372,474
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171,753,429	46,732,011

*Báo cáo tài chính này là một hệ thống hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đồng 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Chi phí khấu hao TSCĐ	2,361,323,763	1,017,099,365
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,434,617,280	968,051,550
	Chi phí bằng tiền khác	570,779,142	385,872,020
	<b>Cộng</b>	<b>6,128,812,740</b>	<b>3,848,127,420</b>
<b>7</b>	<b>Thu nhập khác</b>		
		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	Thu nhập cho thuê tài sản	39,860,970	39,860,970
	Thu nhập khác	342,186,958	126,041,750
	<b>Cộng</b>	<b>382,047,928</b>	<b>165,902,720</b>
<b>8</b>	<b>Chi phí khác</b>		
		<b>Năm nay</b>	<b>Kỳ trước</b>
	Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		
	Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
	Lỗi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư dài hạn khác		
	Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		
	Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	39,805,902	14,934,344
	Thuế bị phạt, bị truy thu		
	Chi phí khác	16,816,074	240,720,075
	<b>Cộng</b>	<b>56,621,976</b>	<b>255,654,419</b>
<b>9</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

**VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này  
Số cuối kỳ Số đầu năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý I năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị**

Tạm ứng  
Thanh toán tạm ứng

**Ban điều hành**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Hội đồng quản trị  
Ban điều hành  
Công nợ phải thu

Số cuối kỳ      Số đầu năm

\_\_\_\_\_

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thống đốc Công ty



Lê Thị Tuyết

Ngô Thị Thanh Lan

Huỳnh Văn Hòa